

Số: /TB-SNN&PTNT Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

THÔNG BÁO
Tuyển dụng viên chức cho các đơn vị
thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa năm 2024

Thực hiện Công văn số 10798/UBND-THKH ngày 26/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng viên chức tại các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công văn số 1617/SNV-CCVC ngày 30/7/2024 của Sở Nội vụ về việc tuyển dụng viên chức các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Nông nghiệp và PTNT; Kế hoạch số 58/KH-SNN&PTNT ngày 31/7/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT về tuyển dụng viên chức cho các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa năm 2024 và Phương án số 4167/PA-SNN&PTNT ngày 31/7/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa về tuyển dụng viên chức cho các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT năm 2024.

Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa thông báo tuyển dụng viên chức cho các đơn vị thuộc Sở năm 2024 như sau:

1. Số lượng người làm việc cần tuyển ứng với từng vị trí việc làm; số lượng vị trí việc làm thực hiện việc xét tuyển

TT	Vị trí việc làm cần tuyển	Ngạch/Chức danh nghề nghiệp	Số lượng VTVL xét tuyển	Chỉ tiêu tuyển dụng	Trình độ, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo cần tuyển	
					Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo
	Tổng cộng		30	54		
1	Trung tâm Khuyến nông		1	1		
-	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên (mã số 01.003)	1	1	Đại học trở lên	Kinh tế nông nghiệp; Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn; Kinh tế lao động; Luật kinh tế.
2	Chi cục Kiểm lâm		2	6		
-	Kế toán viên	Kế toán viên (mã số 06.031)	1	2	Đại học trở lên	Kế toán; Kế toán, kiểm toán; Tài chính - Ngân hàng; Tài chính; Kiểm toán.
-	Kiểm lâm viên	Kiểm lâm viên (mã số 10.226)	1	4	Đại học trở lên	Lâm nghiệp; Lâm học; Luật; Quản lý tài nguyên rừng và môi trường; Quản lý tài nguyên rừng và môi trường; Phát triển nông thôn; Kinh tế nông nghiệp; Kinh tế Lâm nghiệp; Kinh tế quốc tế.

TT	Vị trí việc làm cần tuyển	Ngạch/Chức danh nghề nghiệp	Số lượng VTVL xét tuyển	Chỉ tiêu tuyển dụng	Trình độ, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo cần tuyển	
					Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo
3	Chi cục Thủy lợi		1	5		
-	Kiểm soát viên đề điều	Kiểm soát viên đề điều (mã số 11.082)	1	5	Đại học trở lên	Công trình thủy lợi; Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; Kỹ thuật xây dựng công trình biển; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật công trình xây dựng; Quản lý xây dựng; Kỹ thuật tài nguyên nước.
4	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật		3	4		
-	Bảo vệ thực vật hạng III	Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III (mã số V.03.01.02)	1	2	Đại học trở lên	Bảo vệ thực vật; Trồng trọt; Nông học; Khoa học cây trồng; Lâm sinh; Công nghệ sinh học.
-	Giám định kiểm dịch thực vật hạng III	Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III (mã số V.03.01.02)	1	1	Đại học trở lên	Bảo vệ thực vật; Trồng trọt; Nông học; Khoa học cây trồng; Lâm sinh; Công nghệ sinh học.
-	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên (mã số 01.003)	1	1	Đại học trở lên	Kinh tế; Kế toán; Luật.
5	Chi cục Chăn nuôi và Thú y		2	9		
-	Chẩn đoán bệnh động vật hạng III	Chẩn đoán viên bệnh động vật hạng III (mã số V.03.04.11)	1	8	Đại học trở lên	Thú y; Chăn nuôi - Thú y; Chăn nuôi.
-	Kế toán viên	Kế toán viên (mã số 06.031)	1	1	Đại học trở lên	Kế toán; Tài chính; Kiểm toán.
6	Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng nông, lâm, thủy sản trực thuộc Chi cục QLCL NL sản và T.sản		1	1		
-	Kiểm nghiệm cây trồng hạng III	Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III (mã số V.03.03.08)	1	1	Đại học trở lên	Công nghệ thực phẩm; Bảo quản chế biến nông sản; Khoa học và công nghệ thực phẩm.

TT	Vị trí việc làm cần tuyển	Ngạch/Chức danh nghề nghiệp	Số lượng VTVL xét tuyển	Chỉ tiêu tuyển dụng	Trình độ, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo cần tuyển	
					Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo
7	Ban Quản lý Vườn quốc gia Bến En		6	9		
-	Kiểm lâm viên	Kiểm lâm viên (mã số 10.226)	1	2	Đại học trở lên	Lâm nghiệp; Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng; Quản lý tài nguyên rừng; Quản lý đất đai; Luật.
-	Kỹ thuật giống cây trồng, vật nuôi hạng III	Quản lý bảo vệ rừng viên (V.03.10.29)	1	3	Đại học trở lên	Quản lý bảo vệ rừng; Quản lý tài nguyên rừng; Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng; Nông học; Chăn nuôi; Chăn nuôi thú y; Phát triển nông thôn.
-	Nghiên cứu viên	Nghiên cứu viên hạng III (V.05.01.03)	1	1	Đại học trở lên	Lâm nghiệp; Quản lý bảo vệ rừng; Đa dạng sinh học; Quản lý tài nguyên rừng; Lâm sinh.
-	Chuyên viên về truyền thông	Chuyên viên (mã số 01.003)	1	1	Đại học trở lên	Lâm nghiệp; Lâm học; Lâm sinh; Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng; Hệ thống thông tin quản lý.
-	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên (mã số 01.003)	1	1	Đại học trở lên	Kế toán; Tài chính - Ngân hàng; Quản trị kinh doanh; Lâm nghiệp; Kinh tế; Kinh tế nông nghiệp.
-	Văn thư viên	Văn thư viên (mã số 02.007)	1	1	Đại học trở lên	Văn thư - lưu trữ; Lưu trữ học.
8	Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu		2	3		
-	Kiểm lâm viên	Kiểm lâm viên (mã số 10.226)	1	2	Đại học trở lên	Lâm nghiệp; Lâm sinh; Lâm học; Quản lý tài nguyên rừng và môi trường; Luật; Bảo vệ thực vật
-	Kỹ thuật giống cây trồng vật nuôi hạng III	Quản lý bảo vệ rừng viên (mã số V.03.10.29)	1	1	Đại học trở lên	Lâm nghiệp; Lâm học; Lâm sinh; Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng; Nông học
9	Ban Quản lý rừng phòng hộ Thạch Thành		2	3		
-	Quản lý, bảo vệ rừng hạng III	Quản lý bảo vệ rừng viên (mã số V.03.10.29)	1	2	Đại học trở lên	Lâm nghiệp; Lâm sinh; Lâm học; Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng; Luật.

TT	Vị trí việc làm cần tuyển	Ngạch/Chức danh nghề nghiệp	Số lượng VTVL xét tuyển	Chỉ tiêu tuyển dụng	Trình độ, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo cần tuyển	
					Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo
-	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên (mã số 01.003)	1	1	Đại học trở lên	Kế toán; Kinh tế; Luật.
10	Ban Quản lý rừng phòng hộ Mường Lát		1	1		
-	Kế toán viên	Kế toán viên (mã số 06.031)	1	1	Đại học trở lên	Kế toán; Kế toán, kiểm toán; Kiểm toán; Tài chính; Tài chính - ngân hàng.
11	Ban Quản lý rừng phòng hộ Sông Chàng		1	1		
-	Quản lý, bảo vệ rừng hạng III	Quản lý bảo vệ rừng viên (mã số V.03.10.29)	1	1	Đại học trở lên	Lâm nghiệp; Lâm sinh; Nông lâm kết hợp; Lâm học; Quản lý tài nguyên rừng.
12	Ban Quản lý rừng phòng hộ Quan Sơn		1	1		
-	Kế toán viên	Kế toán viên (mã số 06.031)	1	1	Đại học trở lên	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính
13	Ban Quản lý rừng phòng hộ Như Thanh		3	5		
-	Quản lý, bảo vệ rừng hạng III	Quản lý bảo vệ rừng viên (mã số V.03.10.29)	1	3	Đại học trở lên	Lâm nghiệp; Lâm học; Luật; Quản lý tài nguyên rừng; Quản lý tài nguyên và môi trường rừng; Quản lý đất đai; Nông học.
-	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên (mã số 01.003)	1	1	Đại học trở lên	Hành chính; Quản trị nhân sự; Quản trị kinh doanh; Kinh tế; Quản lý nhà nước; Kinh tế lâm nghiệp.
-	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên (mã số 01.003)	1	1	Đại học trở lên	Quản trị nhân lực; Quản trị kinh doanh; Kinh tế; Kế toán; Tài chính; Quản lý nhà nước; Lâm nghiệp; Luật.
14	Ban Quản lý rừng phòng hộ Nghi Sơn		1	1		
-	Quản lý, bảo vệ rừng hạng III	Quản lý bảo vệ rừng viên (mã số V.03.10.29)	1	1	Đại học trở lên	Lâm nghiệp, Lâm sinh, Lâm học; Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng.
15	Ban Quản lý rừng phòng hộ Thường Xuân		1	1		

TT	Vị trí việc làm cần tuyển	Ngạch/Chức danh nghề nghiệp	Số lượng VTVL xét tuyển	Chỉ tiêu tuyển dụng	Trình độ, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo cần tuyển	
					Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo
-	Quản lý, bảo vệ rừng hạng III	Quản lý bảo vệ rừng viên (mã số V.03.10.29)	1	1	Đại học trở lên	Lâm nghiệp, Lâm sinh, Lâm học.
16	Ban Quản lý Cảng cá Thanh Hoá		2	3		
-	Quản lý, vận hành cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, khu bảo tồn biển hạng III	Chuyên viên (mã số 01.003)	1	2	Đại học trở lên	Điều khiển tàu biển; Nuôi trồng Thủy sản; Khai thác thủy sản; Kế toán; Quản trị kinh doanh.
-	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên (mã số 01.003)	1	1	Đại học trở lên	Hành chính học; Kinh tế; Luật.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển

Bảo đảm theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, cụ thể như sau:

1.1. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam, nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức, cụ thể:

- Có Quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam.
- Từ đủ 18 tuổi trở lên và trong độ tuổi lao động theo quy định của pháp luật lao động.

- Có Phiếu đăng ký dự tuyển.

- Có lý lịch rõ ràng.

- Có văn bằng đào tạo phù hợp với vị trí việc làm.

- Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ.

1.2. Điều kiện tiêu chuẩn về văn bằng

Tốt nghiệp đại học trở lên, có ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng, không phân biệt loại hình đào tạo.

1.3. Những trường hợp sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức

- Mất năng lực về hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng.

3. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

Người đăng ký dự tuyển viên chức nộp Phiếu đăng ký dự tuyển theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ (*gửi kèm theo*) tại địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi theo đường bưu chính (*khi nộp Phiếu đăng ký dự tuyển, phô tô hồ sơ minh chứng kèm theo: văn bằng; bằng điểm học tập theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển; giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có)*). Trường hợp nộp theo đường bưu chính thì Phiếu đăng ký dự tuyển phải được đơn vị bưu chính gửi đến công chức tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trước thời hạn cuối tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển theo thông báo tuyển dụng của Sở Nông nghiệp và PTNT.

4. Thời hạn, địa chỉ và địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển, số điện thoại di động hoặc cố định của cá nhân, bộ phận được phân công tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển

- Thời hạn tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của Sở; từ ngày 02/8/2024 đến hết ngày 31/8/2024 (*trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6*).

- Địa chỉ và địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa, số 28 Đại lộ Lê Lợi, P. Điện Biên, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Số điện thoại liên hệ: 02373.900.900 (số máy lẻ 112).

5. Hình thức, nội dung tuyển dụng; thời gian và địa điểm tuyển dụng

5.1. Hình thức tuyển dụng

Thực hiện tuyển dụng bằng hình thức xét tuyển viên chức theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; các quy định hiện hành của pháp luật và của UBND tỉnh.

5.2. Nội dung xét tuyển

Tuyển dụng bằng hình thức xét tuyển viên chức: được thực hiện theo 2 vòng như sau:

a) Vòng 1

- Kiểm tra điều kiện dự tuyển của người dự tuyển đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

b) Vòng 2

- Vấn đáp để kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

- Thang điểm vấn đáp: 100 điểm.

- Thời gian vấn đáp 30 phút (thí sinh dự vấn đáp có không quá 15 phút chuẩn bị, không tính vào thời gian vấn đáp).

- Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả vấn đáp.

5.3. Thời gian tuyển dụng

Dự kiến từ tháng 8 đến tháng 12/2024 (*Hội đồng xét tuyển viên chức sẽ có thông báo cụ thể sau*).

5.4. Địa điểm tuyển dụng

Tại Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa, số 49A, Đại lộ Lê Lợi, P.Tân Sơn, TP.Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

6. Lệ phí đăng ký dự tuyển: Mức thu: 500.000đ/01 thí sinh/lần (*thực hiện theo quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức*).

Thí sinh đăng ký dự tuyển cần thường xuyên theo dõi thông báo về thời gian kiểm tra sát hạch chính thức và các nội dung có liên quan trên trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa (<http://snnptnt.thanhhoa.gov.vn>).

Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa thông báo đến các đơn vị, cá nhân có nhu cầu biết, đăng ký dự tuyển viên chức làm việc tại các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa năm 2024./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Sở và các đơn vị thuộc Sở có nhu cầu tuyển dụng viên chức (*để đăng tải trên trang thông tin điện tử và niêm yết tại cơ quan, đơn vị*);
- Sở Nội vụ (*để đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ*);
- Trung tâm Hành chính công tỉnh (*để thu Phiếu đăng ký dự tuyển*);
- Báo Thanh Hóa (*để đăng tải*);
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC

Cao Văn Cường